

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2026

- Kính gửi:
- Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
 - Bảo hiểm tiền gửi, Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam, Nhà máy in tiền quốc gia Việt Nam;
 - Các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;
 - Hiệp Hội Ngân hàng Việt Nam, Công đoàn Ngân hàng Việt Nam.

Thực hiện việc công bố danh mục các bài toán lớn về KH&CN của NHNN theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW¹, Quyết định 2223/QĐ-NHNN² và thực hiện quy định tại Điều 10. Nghị định 267/2025/NQ-CP³, Vụ Tổ chức cán bộ (TCCB) thông báo Kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ KH, CN & ĐMST năm 2027 như sau:

I. Thông báo Kế hoạch tài trợ nhiệm vụ KH, CN & ĐMST của NHNN

1.1. Loại hình và yêu cầu đối với từng loại hình nhiệm vụ KH&CN

- Nhiệm vụ KH&CN bao gồm: nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản, nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, nhiệm vụ phát triển công nghệ, nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội theo quy định tại Khoản 1. Điều 4. Nghị định 267.

- Yêu cầu đối với từng loại hình nhiệm vụ: Theo quy định tại Điều 6,7,8,9 Nghị định 267.

1.2. Nội dung tài trợ

- Các tổ chức/cá nhân căn cứ vào Định hướng nhiệm vụ KH&CN và bài toán lớn của NHNN năm 2027 (giai đoạn 2027-2029) (đính kèm) để chuẩn bị hồ sơ đăng ký xét tài trợ nhiệm vụ KH&CN năm 2027.

¹ Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển KH, CN, ĐMST và chuyển đổi số quốc gia

² Nhiệm vụ 5.1. Phụ lục Quyết định 2223/QĐ-NHNN ngày 30/5/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) ban hành Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 71/NQ-CP,

³ Điều 10. Nghị định 267/2025/NQ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi thành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN&ĐMSMT) về chương trình, nhiệm vụ KH, CN & ĐMST và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu KH, CN & ĐMST

- Nguồn kinh phí tài trợ: bao gồm nguồn Ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khoán của NHNN, mức tài trợ đối với từng nhiệm vụ tùy thuộc và tính chất, quy mô và độ phức tạp của từng nhiệm vụ (mức trung bình 3 năm qua vào khoảng 180-250 triệu).

1.3. Hồ sơ và thời hạn đăng ký

- Hồ sơ đăng ký xét tài trợ nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 11. Nghị định 267 và Điều 5. Thông tư 36/2025/TT-BKH&CN ngày 26/11/2025.

- Thời hạn đăng ký: chậm nhất ngày 27/3/2026.

II. Thông báo Kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ KH, CN &ĐMST của NHNN

2.1. Loại hình và yêu cầu đối với từng loại hình nhiệm vụ KH&CN

Tương tự Mục 1.1.

2.2. Nội dung đặt hàng

- Các tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ KH&CN được NHNN đặt hàng tại Quyết định số 197/QĐ-NHNN ngày 06/02/2026 (đính kèm)

- Nguồn kinh phí đặt hàng: bao gồm nguồn Ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khoán của NHNN (mức kinh phí dự kiến đối với từng nhiệm vụ được thể hiện tại Quyết định nêu trên).

2.3. Hồ sơ và thời hạn đăng ký

- Hồ sơ đăng ký xét đặt hàng nhiệm vụ KH&CN thực hiện theo quy định tại Điều 11. Nghị định 267 và Điều 5. Thông tư 36/2025/TT-BKH&CN ngày 26/11/2025.

- Thời hạn đăng ký: chậm nhất ngày 27/3/2026.

III. Thông báo về việc đăng ký Chương trình KH, CN &ĐMST, nhiệm vụ KH, CN&ĐMST đặc biệt, Chương trình KH, CN&ĐMST đặc biệt, nhiệm vụ KH&CN khác

3.1. Đối với việc đăng ký Chương trình KH, CN &ĐMST, nhiệm vụ KH, CN&ĐMST đặc biệt, Chương trình KH, CN&ĐMST đặc biệt, NHNN thông báo để các tổ chức/cá nhân (nếu có nhu cầu) nghiên cứu các quy định tại Mục 2 Chương II, Chương III. Nghị định 267; và theo dõi các Thông báo kêu gọi đặt hàng/tài trợ của Bộ KH&CN để đề xuất các Chương trình KH, CN &ĐMST, nhiệm vụ KH, CN&ĐMST đặc biệt, Chương trình KH, CN&ĐMST đặc biệt gửi về NHNN (qua Vụ TCCB) để tổng hợp gửi Bộ KH&CN thẩm định theo phát sinh và theo các thời hạn Thông báo liên quan của Bộ KH&CN.

3.2. Hồ sơ đăng ký thực hiện theo quy định tại Khoản 2. Điều 3, và Khoản 2. Điều 4. Thông tư 36/2025/TT-BKHCN.

IV. Đề xuất bài toán lớn và đặt hàng nhiệm vụ KH&CN của NHNN

Thực hiện việc công bố danh mục các bài toán lớn về KH&CN của NHNN theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW, Quyết định 2223/QĐ-NHNN, NHNN đề nghị các tổ chức, cá nhân trong Ngành tích cực, chủ động phát hiện và đề xuất bài toán lớn, đặt hàng cụ thể theo mẫu Phiếu đặt hàng (đính kèm) gửi về NHNN (qua Vụ TCCB) để tổng hợp, lựa chọn, xem xét công bố cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có đủ năng lực đăng ký tham gia giải quyết, phục vụ đắc lực cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Ngành, góp phần quyết định cho việc thực hiện thành công các mục tiêu về KH, CN, ĐMST và CDS của Ngành và của Quốc gia.

Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 2815/QĐ-TTg ngày 28/12/2025 phê duyệt Chương trình KH,CN &ĐMST quốc gia phát triển sản phẩm công nghệ chiến lược ưu tiên triển khai ngay. NHNN thông báo để các đơn vị quan tâm nắm, đề xuất các nội dung đặt hàng về trợ lý ảo, cơ sở dữ liệu thuộc Chương trình nêu trên và gửi về NHNN (nếu có và thuộc lĩnh vực quản lý của NHNN) để tổng hợp gửi Bộ KH&CN.

Hồ sơ đăng ký xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN, Phiếu đề xuất bài toán lớn, đặt hàng nhiệm vụ KH&CN tại Mục I, II, III, IV nêu trên gửi về NHNN (thông qua Vụ TCCB) và/hoặc trên Nền tảng số quản lý nhiệm vụ KH, CN, ĐMST theo đúng thời hạn đã nêu⁴. Thông tin liên hệ:

- Đối với hồ sơ đăng ký xét tài trợ: bà Ngô Thị Minh Thu, điện thoại: 0914848599.

- Đối với hồ sơ đăng ký xét đặt hàng: bà Phạm Thanh Hà, điện thoại: 0983642068.

Trân trọng./. *u*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thống đốc (để b/c);
- PTĐ Phạm Thanh Hà (để b/c);
- Lưu: VP, TCCB3. PT Hà.

Đính kèm:

- Định hướng;
- Quyết định số 197/QĐ-NHNN;
- Mẫu phiếu đặt hàng.

TL. THỐNG ĐỐC
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ TỔ CHỨC CÁN BỘ
PHÓ VỤ TRƯỞNG



Lê Việt Hùng

⁴ Theo quy định tại Nghị định 267, NHNN tiếp nhận, và rà soát tính hợp lệ của hồ sơ trong thời hạn tối đa 10 ngày, và phê duyệt nhiệm vụ tối đa 110 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, vì vậy, NHNN không xử lý các hồ sơ quá hạn để tránh ảnh hưởng tiến độ chung.

**ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
VÀ CÁC BÀI TOÁN LỚN CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
NĂM 2027 (GIAI ĐOẠN 2027-2029)**

Trong giai đoạn 2021-2026, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã đặt hàng triển khai nghiên cứu 122 nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) trên 03 nhóm nghiên cứu chính: (i) Phục vụ hoạt động của NHNN; (ii) Phục vụ hoạt động của các tổ chức tín dụng (TCTD); và (iii) các nhóm nghiên cứu hỗ trợ khác (chi tiết xem Bảng 1 và Bảng 2).

Hoạt động nghiên cứu trong thời gian qua đã luôn chủ động bám sát các xu hướng mới về tài chính, tiền tệ trên thế giới và thực tiễn hoạt động tiền tệ - ngân hàng trong nước, đáp ứng cơ bản yêu cầu cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ công tác quản lý, điều hành của NHNN, nâng cao hiệu quả hoạt động của các TCTD và phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu của các trường đại học trong Ngành.

**Bảng 1. Tổng hợp số lượng nhiệm vụ KH&CN
(giai đoạn 2021-2026)**

Năm	Tổng số nhiệm vụ được giao	Số nhiệm vụ đã nghiệm thu	Số lượng nhiệm vụ đang triển khai thực hiện	Số lượng nhiệm vụ không thực hiện	Số lượng nhiệm vụ chậm tiến độ
2021	14	14	0	0	0
2022	36	33	0	3	0
2023	18	18	0	0	0
2024	17	8	8	1	0
2025	25	6	17	2	0
2026	19	0	19	0	0
Tổng	129	73	50	7	0

Nguồn: NHNN

**Bảng 2. Thống kê nhóm các chủ đề nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN
(giai đoạn 2021 – 2026)**

STT	Nhóm nghiên cứu	Chủ đề nghiên cứu
1	Phục vụ công tác quản lý, điều hành của NHNN (65 nhiệm vụ)	- Điều hành chính sách tiền tệ, tài khóa, tín dụng, tỷ giá và quản lý ngoại hối: 18 nhiệm vụ - Pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng: 04 nhiệm vụ - Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng, PCRT/TTKB: 09 nhiệm vụ - Hoạt động thanh toán, công nghệ thông tin: 14 nhiệm vụ - Hoạt động kiểm toán: 2 nhiệm vụ - Hoạt động hợp tác quốc tế: 2 nhiệm vụ - Hoạt động đào tạo, quản lý nhân sự: 6 nhiệm vụ - Hoạt động truyền thông: 01 nhiệm vụ - Hoạt động khác: 09 nhiệm vụ
2	Phục vụ hoạt động của các TCTD (44 nhiệm vụ)	- Hoạt động quản trị ngân hàng: 18 nhiệm vụ - Hoạt động kinh doanh, hoạt động ngân hàng số và công nghệ thông tin: 20 nhiệm vụ - QTDND và các TCTD khác: 06 nhiệm vụ
3	Khác (13 nhiệm vụ)	Chứng khoán, bất động sản, SMEs...

Nguồn: NHNN

(Chi tiết theo Danh mục nhiệm vụ KH&CN đính kèm)

Để tiếp tục phát huy đóng góp tích cực của các nhiệm vụ KH&CN vào hoạt động của ngành Ngân hàng, và thực hiện có hiệu quả các chủ trương của

Đảng, Chính phủ về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST), NHNN xây dựng định hướng nhiệm vụ và các bài toán lớn về KH&CN năm 2027 (giai đoạn 2027-2029) như sau:

I. Căn cứ xây dựng

1. Các chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch lớn đã được Đảng, Quốc hội, Chính phủ ban hành

Trong giai đoạn sắp tới, ngành Ngân hàng vẫn cần tiếp tục quán triệt và triển khai tích cực hiệu quả các chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch lớn của Đảng, Quốc Hội, Chính phủ, trong đó có các nhóm vấn đề chính sau:

(i) Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

- Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/2/2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

- Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

(ii) Cách mạng công nghiệp 4.0, khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

+ Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của BCĐTW về phát triển KH, CN, ĐMST và CDS về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”;

+ Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 2/6/2025 của BCĐTW về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết 57;

+ Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của BCĐTW về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 1/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ về Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030;

- Quyết định số 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030;

- Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 6/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ việc chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược dữ liệu Quốc gia đến năm 2030;

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

- Quyết định số 1236/QĐ-TTg ngày 22/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (blockchain) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 1/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số.

- Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 11/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 – 2030;

- Quyết định số 2626/QĐ-TTg ngày 1/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số.

(iii) Phát triển bền vững, xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường;

- Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị;

- Quyết định số 76/QĐ-TTg ngày 11/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

- Quyết định số 681/QĐ-TTg ngày 04/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 889/QĐ-TTg ngày 24/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050;

- Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam;

- Quyết định số 882/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 25/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu.

Ngoài ra, hiện nay, thực hiện Kết luận số 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức 2 con số trong giai đoạn tới, Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương đang chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Đề án “Các giải pháp chiến lược thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “2 con số” trong kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam gắn với tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TW” tiến tới trình Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV ban hành Nghị quyết về các giải pháp chiến lược thúc đẩy tăng trưởng “2 con số” gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết.

(iv) Phát triển lĩnh vực tài chính – ngân hàng và các vấn đề liên quan khác

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”;

- Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/1/2025 của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- Nghị quyết số 87/NQ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 71/NQ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện sau đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền giai đoạn 2018 – 2022;

- Nghị quyết số 147/NQ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ về Chiến lược tổng thể quốc gia phòng ngừa, ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/08/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định 194/QĐ-TTg ngày 23/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch hành động quốc gia thực hiện cam kết của Việt Nam về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

2. Các chiến lược, kế hoạch của ngành Ngân hàng nhằm thực hiện các chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch lớn của Đảng, Chính phủ ban hành

Nhằm quán triệt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Quốc Hội và triển khai các văn bản của Chính phủ, ngành Ngân hàng đã xác định các hành động/nhiệm vụ cụ thể thông qua hệ thống các chương trình, chiến lược, kế hoạch theo các nhóm vấn đề như sau:

(i) Phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân

- Quyết định số 319/QĐ-NHNN ngày 14/3/2023 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 02/2/2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới; Quyết định số 2932/QĐ-NHNN ngày 6/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 319/QĐ-NHNN;

- Quyết định số 2415/QĐ-NHNN ngày 25/6/2025 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

- Quyết định số 2416/QĐ-NHNN ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

(ii) Cách mạng công nghiệp 4.0, khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Quyết định số 1238/QĐ-NHNN ngày 08/7/2020 ban hành kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0;

- Quyết định số 1887/QĐ-NHNN ngày 03/11/2022 ban hành Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 234/QĐ-NHNN ngày 19/02/2024 ban hành Chiến lược phát triển các hệ thống thanh toán Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định 1345/QĐ-NHNN ngày 4/8/2020 ban hành Kế hoạch triển khai Nghị định 47/2020/NĐ-CP ngày 09/04/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

- Quyết định 2223/QĐ-NHNN ngày 30/5/2025 ban hành Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW và Nghị quyết 71/NQ-CP;

- Quyết định 1938/QĐ-NHNN ngày 28/4/2025 ban hành Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21/3/2025 của BCĐTW phát triển KH, CN, ĐMST và CDS về triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”;

- Quyết định 2222/QĐ-NHNN ngày 30/5/2025 ban hành chương trình bồi dưỡng, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động NHNN;

- Quyết định số 2589/QĐ-NHNN ngày 30/6/2025 của NHNN về Kế hoạch hành động của Ngân hàng nhà nước triển khai Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Quyết định số 2862/QĐ-NHNN ngày 22/7/2025 của NHNN ban hành Kế hoạch hành động của ngành ngân hàng thực hiện chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

- Quyết định 3109/QĐ-NHNN ngày 20/8/2025 ban hành Kế hoạch của ngành Ngân hàng triển khai Nghị quyết 214/NQ-CP năm 2025 về Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Quyết định số 3579/QĐ-NHNN ngày 3/11/2025 phê duyệt “Chiến lược chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến năm 2030”;

- Quyết định số 3580/QĐ-NHNN ngày 3/11/2025 phê duyệt “Chiến lược dữ liệu ngành Ngân hàng đến năm 2030”.

- Kế hoạch số 15/KH-NHNN ngày 14/11/2025 của Thống đốc triển khai Quyết định số 1121/QĐ-TTg ngày 11/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hành động quốc gia về phát triển và chuyển đổi sang sử dụng nền tảng điện toán đám mây giai đoạn 2025 – 2030;

(iii) Phát triển bền vững, xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Quyết định số 1408/QĐ-NHNN ngày 26/7/2023 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược quốc gia tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 và Đề án về những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hiệp

quốc về biến đổi khí hậu; Quyết định 2931/QĐ-NHNN ngày 6/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1408/QĐ-NHNN.

Ngoài ra, hiện nay, NHNN đang dự thảo Chương trình hành động chi tiết để thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số của đất nước giai đoạn 2026-2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững đến năm 2045.

(iv) Phát triển lĩnh vực tài chính – ngân hàng và các vấn đề liên quan khác

- Quyết định số 34/QĐ-NHNN ngày 07/01/2019 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1309/QĐ-NHNN ngày 24/7/2020 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia;

- Quyết định số 1813/QĐ-NHNN ngày 25/9/2023 ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng thực hiện Nghị quyết số 87/NQ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định 2853 ngày 21/7/2025 ban hành Kế hoạch của NHNN triển khai Nghị quyết 71/NQ-CP ngày 15/5/2024 về việc ban hành kế hoạch thực hiện sau đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền giai đoạn 2018 – 2022;

- Quyết định số 2971/QĐ-NHNN ngày 11/8/2025 ban hành Kế hoạch của NHNN triển khai Nghị quyết số 153/NQ-CP ngày 31/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/1/2025, của Bộ Chính trị về Hội nhập quốc tế trong tình hình mới và Quyết định số 112/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 19/6/2025 phê duyệt định hướng tham gia các hiệp định thương mại tự do đến năm 2030, tầm nhìn 2035;

- Quyết định 2882/QĐ-NHNN ngày 28/7/2025 ban hành Chương trình hành động của NHNN thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị quyết số 140/NQ-CP;

- Kế hoạch số 13/KH-NHNN ngày 7/10/2025 triển khai Nghị quyết số 147/NQCP ngày 22/5/2025 của Chính phủ về Chiến lược tổng thể quốc gia phòng ngừa, ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. Định hướng nhiệm vụ KH&CN

1. Nguyên tắc xây dựng và tổ chức thực hiện

Định hướng nhiệm vụ KH&CN và bài toán lớn của NHNN được xây dựng trên cơ sở bám sát các nhiệm vụ trọng tâm của NHNN, nhằm mục đích hỗ trợ thiết thực, hiệu quả, kịp thời các nhiệm vụ đặt ra cho ngành Ngân hàng tại các chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch của Đảng, Chính phủ, NHNN.

Trên cơ sở định hướng nhiệm vụ KH&CN và bài toán lớn của NHNN, các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài ngành: (i) chủ động phát hiện, đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ KH&CN cũng như cụ thể hóa các bài toán để các tổ chức cá nhân có đủ năng lực tham gia giải quyết (theo mẫu Phiếu đặt hàng đính kèm); hoặc (ii) chủ động phát hiện, đề xuất để được tài trợ thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với năng lực, khả năng.

2. Nội dung

Để các nhiệm vụ KH&CN hỗ trợ thiết thực, hiệu quả, kịp thời các nhiệm vụ đặt ra cho ngành Ngân hàng tại các chủ trương, chính sách, chiến lược, kế hoạch đã nêu tại mục I, đặc biệt là các nhiệm vụ trọng tâm đã được xác định tại mục I.2, trên cơ sở kết quả triển khai các nhiệm vụ KH&CN của NHNN giai đoạn 2021 – 2026, các nhiệm vụ KH&CN năm 2027 (giai đoạn 2027-2029) được định hướng:

2.1. Tập trung rà soát, nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn làm nền tảng để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ của ngành Ngân hàng trong việc:

(i) Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, triển khai các chiến lược, kế hoạch của Ngành; các dự thảo Luật và văn bản dưới Luật mà NHNN được giao trong giai đoạn 2027-2029.

(ii) Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp để thực thi hiệu quả các nhiệm vụ quan trọng của Ngành triển khai các Nghị quyết của Đảng và các chiến lược của Chính phủ, NHNN, trong đó có:

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày

30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;

- “Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, “Chiến lược tài chính toàn diện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”, “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050”, “Chiến lược khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030”, Chiến lược thúc đẩy tăng trưởng “2 con số” gắn với xác lập mô hình tăng trưởng mới.

2.2. Tập trung nghiên cứu các nội dung có tính cấp bách, cần thiết, ưu tiên triển khai cho ngành Ngân hàng và các nghiên cứu hướng tới đăng ký giải pháp/sáng chế, bao gồm nhưng không giới hạn trong các chủ đề liên quan tới: Chuyển đổi số và quản trị rủi ro trong bối cảnh số hóa; ESG, tài chính xanh, bền vững; Biến động toàn cầu, đánh giá tác động của biến động toàn cầu và phản ứng chính sách của NHNN.

Trong đó, có các nhóm vấn đề/bài toán như sau:

(i) Mô hình tổ chức và hoạt động quản lý, điều hành của NHNN

- Nghiên cứu các biến động về kinh tế, chính trị, theo dõi xu thế quản trị toàn cầu, đánh giá tác động, khả năng và lộ trình tham gia các cơ chế, sáng kiến hợp tác phù hợp với lợi ích quốc gia; các xu hướng, mô hình mới về tài chính, tiền tệ trên thế giới và tác động đến hệ thống tài chính, ngân hàng của Việt Nam; đề xuất giải pháp, chính sách điều chỉnh/ứng phó.

- Nghiên cứu các mô hình tổ chức, chức năng hoạt động NHTW; việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, phương pháp, *cách thức tổ chức hoạt động của NHNN*; xây dựng NHNN số; Rà soát, xây dựng các phương án và các văn bản để thực hiện phương án, kế hoạch cắt giảm điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính và *đề xuất, kiến nghị cho Việt Nam phù hợp với điều kiện, bối cảnh của đất nước, đặc biệt là việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đảng và Chính phủ về vấn đề chính phủ điện tử, chính phủ số* (các vấn đề về phát triển các nền tảng dùng chung, ứng dụng AI, trợ lý ảo, dữ liệu lớn....), hoàn thiện thể chế, công tác xây dựng và thi hành pháp luật, hội nhập quốc tế, và phát triển trung tâm tài chính quốc tế và khu vực.

- Nghiên cứu tác động của chuyển đổi số, việc ứng dụng thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0 trong nền kinh tế (như AI...) đến điều hành của NHNN trong đó có hoạt động điều hành CSTT (lạm phát và việc làm...), tín dụng, tỷ giá và quản lý ngoại hối; chỉ ra những thay đổi quan trọng về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của NHNN và khuôn khổ pháp lý liên quan trong nền kinh tế số và

trong quá trình chuyển đổi số của hệ thống ngân hàng (trong đó có các vấn đề về tiền kỹ thuật số...).

- Nghiên cứu hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho tín dụng xanh và ngân hàng xanh; các quy định/giải pháp thực hiện quản lý rủi ro về môi trường, xã hội, khí hậu trong hoạt động ngân hàng, hoạt động cấp tín dụng; các giải pháp tập trung nguồn lực cho tín dụng xanh, các chính sách ưu đãi về tài chính cho các hoạt động đầu tư xanh, tín dụng xanh, tài chính khí hậu nhằm khuyến khích đầu tư vào các dự án xanh, thúc đẩy tăng trưởng xanh, chuyển đổi xanh.

- Nghiên cứu hoàn thiện các chương trình, chính sách tín dụng đối với ngành, lĩnh vực kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phù hợp với yêu cầu và thực tế triển khai nhằm tăng khả năng tiếp cận vốn của khách hàng (kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, công nghệ chiến lược¹...).

- Nghiên cứu áp dụng các chuẩn mực, phương pháp thanh tra tiên tiến, hiện đại; ứng dụng thành tựu KH, CN & ĐMST trong hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng; Nghiên cứu, rà soát khuôn khổ pháp lý về phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố trong hoạt động ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát các hoạt động ngân hàng xuyên biên giới, tội phạm công nghệ cao xuyên quốc gia.

- Nghiên cứu, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về chế độ kế toán áp dụng cho các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nghiên cứu áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế trong ngành Ngân hàng và các công tác điều hành, quản lý khác của NHNN phục vụ cho nhiệm vụ ổn định và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng 2 con số, sàn giao dịch vàng,...)

Kết quả cần đạt được:

- Sản phẩm nghiên cứu phải đưa ra được các báo cáo đề xuất cụ thể cho NHNN về các xu hướng, tác động, các giải pháp chính sách, khung pháp lý và lộ trình thí điểm/áp dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam, phục vụ trực tiếp cho việc ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành chính sách, hoặc quy trình nghiệp vụ của Ngành trong từng lĩnh vực cụ thể.

(ii) Hoạt động thanh toán, công nghệ ngành ngân hàng

- Nghiên cứu hoàn thiện thể chế, chính sách của ngành Ngân hàng phục vụ kinh tế số, chuyển đổi số, phát triển hạ tầng số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, các bộ chỉ số đo lường liên quan; Xây dựng, triển khai cơ chế thử nghiệm

¹ Quyết định 1131/QĐ-TTg ngày 12/6/2025 ban hành Danh mục công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược (trong đó có AI, Blockchain, điện toán đám mây...)

có kiểm soát cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số (đặc biệt là các công nghệ chiến lược);

- Nghiên cứu các công nghệ chiến lược, công nghệ ưu tiên, chuẩn quốc tế trong lĩnh vực công nghệ ngân hàng, thanh toán ngân hàng và khả năng ứng dụng tại Việt Nam.

- Nghiên cứu vấn đề an ninh bảo mật, đề xuất ban hành chính sách đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật đối với các ứng dụng công nghệ trong hoạt động ngân hàng nói chung và trong hoạt động thanh toán nói riêng.

- Nghiên cứu việc mở rộng, nâng cấp hoặc thay thế các hệ thống công nghệ thông tin của NHNN đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ và đảm bảo an ninh, an toàn thông tin.

- Nghiên cứu các phương thức thanh toán/hệ thống/giải pháp thanh toán mới; các giải pháp giúp thúc đẩy và đảm bảo an ninh, an toàn trong hoạt động thanh toán (trong đó có các vấn đề về hoạt động thanh toán xuyên biên giới, hoạt động trung gian thanh toán).

Kết quả cần đạt được:

- Sản phẩm nghiên cứu đưa ra được các đề xuất cụ thể phục vụ trực tiếp cho việc ban hành văn bản, chính sách, quy định cụ thể cho hoạt động chuyển đổi số, phát triển hạ tầng số trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng; Xây dựng, triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát cho các mô hình kinh tế mới, kinh doanh dựa trên công nghệ và nền tảng số; Giải pháp công nghệ và kế hoạch triển khai cụ thể có tính ứng dụng trực tiếp trong việc phát triển các hệ thống thông tin, thanh toán, bảo đảm an toàn an ninh hệ thống thông tin, thanh toán của ngành Ngân hàng.

(iii) Mô hình tổ chức và hoạt động kinh doanh của các TCTD

- Nghiên cứu việc khai thác, phát triển cơ sở dữ liệu: Cơ chế, giải pháp kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia (cơ sở dữ liệu dân cư, ngành, lĩnh vực, dữ liệu cơ quan thống kê; liên thông các dữ liệu thị trường thiết yếu liên quan đến hoạt động của TCTD (thị trường bất động sản, mua bán sáp nhập doanh nghiệp, mua bán nợ, thị trường trái phiếu, chứng khoán) với dữ liệu của TCTD để tăng cường hiệu quả, an toàn hoạt động thanh toán, tín dụng.

- Nghiên cứu về đổi mới mô hình quản trị, kinh doanh của TCTD phù hợp với điều kiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0; nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng sự minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt trong quản trị và trong hoạt động của các TCTD.

- Nghiên cứu đề xuất xây dựng mô hình phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam phù hợp với Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Nghiên cứu hoàn thiện Danh mục phân loại xanh, hệ thống báo cáo thống kê dư nợ tín dụng xanh, cơ sở dữ liệu về tăng trưởng xanh của Ngành; Nghiên cứu phát triển các sản phẩm tín dụng xanh, quản lý rủi ro về môi trường và xã hội, rủi ro khí hậu trong hoạt động ngân hàng, hoạt động cấp tín dụng dần tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế; Giải pháp đẩy mạnh huy động nguồn lực, trong đó có hoạt động phát hành trái phiếu xanh để tài trợ cho các dự án thuộc Danh mục phân loại xanh; Nghiên cứu xây dựng các tài liệu, chương trình hướng dẫn và đào tạo, áp dụng tín dụng xanh thực hiện các mô hình về sản xuất và tiêu dùng bền vững.

- Nghiên cứu xu hướng và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới, mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ chiến lược, trong đó có các giải pháp công nghệ thúc đẩy bao trùm tài chính, mở rộng khả năng tiếp cận các sản phẩm dịch vụ ngân hàng cho người dân và doanh nghiệp nhỏ, đặc biệt tại khu vực nông thôn, miền núi và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; Các chương trình, sản phẩm, dịch vụ ngân hàng ưu tiên hướng tới các tổ chức kinh tế tập thể (hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng nền kinh tế theo chủ trương của Chính phủ, các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị ứng dụng công nghệ cao, chuỗi giá trị liên kết đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với quy định của pháp luật), kinh tế tư nhân (doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số); Cải tiến quy trình, phương thức cho vay (cho vay theo chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng, cho vay trên dữ liệu thanh toán, dòng tiền, cho vay dựa trên các tài sản đảm bảo bao gồm: động sản, tài sản vô hình, tài sản hình thành trong tương lai phù hợp với quy định của pháp luật...).

Kết quả cần đạt được:

- Sản phẩm nghiên cứu đưa ra được các cơ chế, giải pháp nghiệp vụ ứng dụng trực tiếp trong hoạt động của các TCTD hoặc các kiến nghị cụ thể phục vụ trực tiếp cho việc ban hành văn bản điều hành, quản lý của NHNN đối với hoạt động của các TCTD.

(iv) Phát triển nguồn nhân lực và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo ngành ngân hàng

- Nghiên cứu xây dựng và thực thi chuẩn năng lực số: Nghiên cứu xây dựng Khung năng lực số (Digital Competency Framework) cho các vị trí việc làm trong ngành Ngân hàng phù hợp với bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0;

Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng mới và kỹ năng chuyển đổi cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đáp ứng yêu cầu vận hành Ngân hàng số.

- Nghiên cứu phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở: Nghiên cứu mô hình kết nối giữa NHNN, các TCTD với các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp công nghệ (Fintech, BigTech) nhằm thúc đẩy chuyển giao công nghệ và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

- Nghiên cứu các giải pháp về quản trị nguồn nhân lực trong môi trường số: Nghiên cứu xu hướng và tác động của AI, tự động hóa đối với cấu trúc nhân sự và văn hóa tổ chức của ngành Ngân hàng; đề xuất các giải pháp quản trị sự thay đổi và thu hút nhân tài trong lĩnh vực công nghệ tài chính; Xây dựng mô hình đào tạo trực tuyến (E-learning) và nền tảng quản trị tri thức dùng chung cho toàn Ngành nhằm tối ưu hóa nguồn lực và lan tỏa tri thức khoa học công nghệ.

Kết quả cần đạt được:

- Sản phẩm nghiên cứu đưa ra được các khung năng lực, mô hình, giải pháp, tiêu chí, tiêu chuẩn cụ thể trong việc xây dựng vị trí việc làm, phát triển, quản trị nguồn nhân lực trong môi trường số hóa đáp ứng các yêu cầu đặt ra tại các chương trình, chiến lược, kế hoạch liên quan của Đảng, Chính phủ, NHNN; xây dựng các chương trình đào tạo và kế hoạch/giải pháp triển khai có tính thực thi, ứng dụng được trong thực tế; các mô hình và cách thức kết nối và lộ trình khả thi để phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo mở.

TỔNG HỢP DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN GIAI ĐOẠN 2021-2026

STT	Mã số	Tên đề tài	Chủ nhiệm	Đơn vị
A	Nhóm các nghiên cứu phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam			
I	Nghiên cứu liên quan đến hoạt động điều hành chính sách tiền tệ, tài khóa, tín dụng, tỷ giá và quản lý ngoại hối			
1	ĐTNH.008/26	Tác động của giao dịch tiền mã hoá (cryptocurrency) đến hoạt động điều hành chính sách của Ngân hàng Nhà nước và giải pháp ứng phó tác động đó tại Việt Nam	TS. Nguyễn Trung Hậu	Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính
2	ĐTNH.001/26	Nghiên cứu tác động của tự do hóa cán cân tài chính tới ổn định tài chính tại Việt Nam	ThS. Lê Quốc Hưng, Phó Vụ Trưởng	Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính
3	ĐTNH.010/26	Kinh nghiệm quốc tế về điều hành chính sách tiền tệ tích hợp: Gợi ý cho cải thiện khuôn khổ chính sách tích hợp trong hoạt động điều hành của Ngân hàng trung ương từ các đánh giá của IMF	TS. Vũ Mai Chi Phó Trưởng bộ môn, Khoa Ngân hàng	Học viện Ngân hàng
4	ĐTNH.005/25	Tác động của chỉ số quản trị quốc gia (National governance indicators) và bất ổn định chính sách kinh tế (Economic policy uncertainty) đến sự ổn định của hệ thống ngân hàng, khuyến nghị cho Việt Nam	TS. Phạm Tiến Mạnh	Học viện Ngân hàng
5	ĐTNH.009/25	Tăng trưởng xanh: Vai trò và giải pháp đối với chính sách tiền tệ tại Việt Nam	TS. Dương Thị Thùy An	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
6	ĐTNH.012/25	Xây dựng cơ chế hành lang lãi suất nhằm hoàn thiện khuôn khổ điều hành chính sách tiền tệ theo giá tại Việt Nam	ThS. Đào Minh Thắng	Vụ Chính sách tiền tệ, NHNN

7	ĐTNH.013/25	Ảnh hưởng của các chính sách tài phán ngoài lãnh thổ của Mỹ trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng và hàm ý chính sách đối với hoạt động của Ngân hàng Trung ương trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế	ThS. Vũ Minh Châu	Vụ Hợp tác quốc tế, NHNN
8	ĐTNH-CS.004/25	Tăng cường tiếp cận tín dụng của cá nhân, hộ gia đình trong khu vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên	TS. Bùi Văn Khoa	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Thái Nguyên
9	ĐTNH.001/24	Tăng cường sự đồng bộ giữa khung khổ an toàn vĩ mô với một số chính sách kinh tế khác tại Việt Nam	TS. Nguyễn Phi Lân, Phó Vụ trưởng	Vụ Dự báo, Thống kê, NHNN
10	ĐTNH.006/24	Tác động của chính sách an toàn vĩ mô đến cạnh tranh ngân hàng - Nghiên cứu thực nghiệm tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh, Phó Giám đốc	Học viện Ngân hàng
11	ĐTNH.003/23	Giám sát rủi ro tài chính liên quan đến biến đổi khí hậu trong các ngân hàng Việt Nam	PGS.TS. Hạ Thị Thiều Dao	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
12	ĐTNH.004/23	Nghiên cứu ảnh hưởng của mức độ phức tạp kinh tế và các cú sốc kinh tế tới biến động kinh tế vĩ mô	TS. Chu Khánh Lân	Học viện Ngân hàng
13	ĐTNH.006/23	Nghiên cứu tác động chính sách tiền tệ - chính sách tài khóa của Mỹ, EU, Trung Quốc đến điều kiện tiền tệ của Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023 và hàm ý chính sách	ThS. Nguyễn Thanh Tùng, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban điều hành	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
14	ĐTNH.002/22	Giải pháp phát triển thị trường ngoại tệ từ nay đến năm 2030 đáp ứng các hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam	TS. Phạm Chí Quang, Phó Vụ trưởng	Vụ Chính sách tiền tệ, NHNN
15	ĐTNH.011/22	Nghiên cứu các nguồn dữ liệu mới phục vụ điều hành chính sách tiền tệ	PGS.TS. Lê Văn Luyện, Phó Giám đốc	Học viện Ngân hàng
16	ĐTNH.025/22	Nghiên cứu tác động của tăng trưởng tín dụng đến giá tài sản và chu kỳ tài chính tại Việt Nam và một số khuyến nghị chính sách vĩ mô	TS. Lê Hải Trung, Giảng viên	Học viện Ngân hàng

17	ĐTNH.003/21	Ảnh hưởng của cú sốc giá dầu đến nền kinh tế và vai trò của chính sách tiền tệ	TS. Phạm Thị Tuyết Trinh	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
18	ĐTNH.005/21	Hoàn thiện công cụ chính sách tiền tệ nhằm từng bước chuyển dịch cơ chế điều hành theo khối lượng sang điều hành theo giá tại Việt Nam	ThS. Dương Thị Thanh Bình, Phó Vụ trưởng	Vụ Chính sách tiền tệ, NHNN
II	Nghiên cứu liên quan đến hoạt động hoàn thiện pháp luật trong quản lý ngân hàng			
1	ĐTNH.005/26	Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về quản trị Ngân hàng thương mại tại Việt Nam theo chuẩn mực Basel	ThS. Trần Thị Hòa, Trưởng phòng	Cục an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2	ĐTNH.011/23	Hoàn thiện pháp luật về quản trị công ty đối với ngân hàng thương mại ở Việt Nam theo thông lệ quốc tế	TS. Phan Đăng Hải, Khoa Luật	Học viện Ngân hàng
3	ĐTNH.001/22	Nghiên cứu hoàn thiện quy định về tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng tại Luật các tổ chức tín dụng	ThS. Tạ Quang Đôn, Vụ Trưởng	Vụ Pháp chế, NHNN
4	ĐTNH.008/22	Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 10 năm thi hành và những định hướng sửa đổi bổ sung	TS. Bùi Hữu Toàn, Chủ tịch Hội đồng trường	Học viện Ngân hàng
III	Nghiên cứu liên quan đến hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng, PCRT/TTKB			
1	ĐTNH.021/26	Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh tra trong lĩnh vực ngân hàng	ThS. Lại Hữu Phước Chánh Thanh tra	Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
2	ĐTNH.002/26	Nâng cao hiệu quả công tác giám sát an toàn vi mô đối với các chi nhánh Ngân hàng thương mại trên địa bàn của Ngân hàng Nhà nước Khu vực – Nghiên cứu điển hình tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 1	TS. Nguyễn Thị Hòa	NHNN Khu vực 1
3	ĐTNH.014/25	Xây dựng khuôn khổ pháp lý để thực hiện phương pháp xếp hạng nội bộ (IRB) theo chuẩn mực vốn Basel trong hệ thống ngân hàng tại Việt Nam	Giám đốc	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN

4	ĐTNH.009/24	Một số giải pháp tăng cường kiểm soát rủi ro trong quản lý nhà nước đối với ví điện tử	TS. Phạm Mạnh Hùng	Học viện Ngân hàng
5	ĐANH.002/24	Ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao chất lượng thông tin đầu vào phục vụ hoạt động giám sát của Thanh tra, giám sát ngân hàng	ThS. Phan Mạnh Cường, Phó Cục trưởng Cục IV	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN
6	ĐANH.001/23	Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong ngành Ngân hàng	ThS. Hoàng Quốc Mạnh, Phó Vụ trưởng Vụ I,	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN
7	ĐTNH-CS.001/22	Công tác thẩm định dự thảo kết luận thanh tra trong lĩnh vực ngân hàng – Thực trạng và giải pháp	ThS. Nguyễn Thị Kim Thành, Phó trưởng phòng, Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng I	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN
8	ĐTNH-CS.002/22	Dấu hiệu nhận biết giao dịch đáng ngờ liên quan đến tài trợ khủng bố (TTKB) qua hệ thống ngân hàng: Thực trạng và giải pháp cho Việt Nam	ThS. Nguyễn Thị Minh Thơ, Trưởng phòng, Cục Phòng, chống rửa tiền	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN
9	ĐTNH.008/21	Đánh giá hiệu lực thực thi chính sách an toàn hoạt động ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	TS. Phan Hữu Việt, Phó Trưởng phòng, Cục IV	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN
IV	Nghiên cứu liên quan đến hoạt động thanh toán, công nghệ thông tin			
1	ĐTNH.019/26	Xây dựng khung pháp lý về quản lý, giám sát việc tham gia thử nghiệm có kiểm soát tài sản mã hóa trong lĩnh vực ngân hàng	PGS.TS. Hạ Thị Thiều Dao Phó Hiệu trưởng,	Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh
2	ĐTNH.014/26	Quy định về quản lý lĩnh vực ứng dụng AI trong ngành ngân hàng: kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính sách cho Việt Nam	PGS.TS. Bùi Hữu Toàn Chủ tịch Hội đồng	Học viện Ngân hàng
3	ĐTNH.015/26	Thực trạng và giải pháp ứng dụng công nghệ AI, BigData trong quản lý rủi ro thanh toán qua ứng dụng di động	PGS.TS. Trương Thị Thùy Dương Trưởng bộ môn Toán	Học viện Ngân hàng

4	ĐTNH.002/25	Giải pháp thúc đẩy hoạt động thanh toán biên mậu giữa Việt Nam đối với các quốc gia có chung biên giới	PGS.TS. Phạm Thị Hoàng Anh	Học viện Ngân hàng
5	ĐTNH.017/25	Kết nối thanh toán xuyên biên giới - các xu hướng mới, kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam	ThS. Phạm Anh Tuấn	Vụ Thanh toán, NHNN
6	ĐTNH.007/24	Ứng dụng Machine Learning trong xây dựng và đo lường bộ chỉ số biến động chính sách kinh tế của Việt Nam	PGS.TS. Trần Việt Dũng	Học viện Ngân hàng
7	DANH.001/24	Phát hiện và ngăn chặn gian lận thông tin thông qua phân tích số liệu trong hoạt động thông tin tín dụng (TTTD)	ThS. Phan Huy Thắng, Phó Tổng giám đốc	Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam
8	ĐTNH-CS.003/24	Giải pháp đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt thông qua phân tích, đánh giá nhu cầu và khả năng đáp ứng trên địa bàn nông thôn tỉnh Đồng Tháp	Vương Trí Phong	NHNN Chi nhánh Đồng Tháp
9	ĐTNH.006/22	Kết nối tài chính - tiền tệ của Trung Quốc với các nước ASEAN và đề xuất đối với Việt Nam	ThS. Khương Thanh Hà, Phó Vụ trưởng	Vụ Hợp tác quốc tế, NHNN
10	ĐTNH.016/22	Nghiên cứu giải pháp mở rộng kho dữ liệu NHNN phục vụ mục tiêu quản lý điều hành và cung cấp dịch vụ công	TS. Phan Thanh Đức, Chủ nhiệm Khoa Hệ thống thông tin quản lý	Học viện Ngân hàng
11	ĐTNH.017/22	Quy trình xử lý vận hành của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng quốc gia theo thiết kế Hybrid	TS. Đặng Đình Tân, Trưởng khoa	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
12	DANH.001/22	Xây dựng Chiến lược phát triển các hệ thống thanh toán Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	ThS. Nguyễn Thị Thu, Trưởng phòng	Vụ Thanh toán, NHNN
13	ĐTNH.009/21	Quản lý nhà nước về hoạt động ngân hàng số - thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế và giải pháp đối với Việt Nam	ThS. Lê Anh Dũng, Phó Vụ trưởng	Vụ Thanh Toán, NHNN

14	DANH.001/21	Ứng dụng học máy (Machine Learning) vào xử lý dữ liệu trong hoạt động thông tin tín dụng tại Việt Nam	ThS. Phan Huy Thắng, Phó Tổng Giám đốc	Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia
V	Nghiên cứu liên quan đến hoạt động kiểm toán			
1	ĐTNH.003/26	Nghiên cứu áp dụng Bộ chuẩn mực kiểm toán nội bộ toàn cầu (GIAS) do Học viện Kiểm toán nội bộ Hoa Kỳ (IIA) ban hành năm 2024 vào hoạt động kiểm toán nội bộ trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam	ThS. Lại Hữu Phước, Chánh Thanh tra,	Thanh tra Ngân hàng Nhà nước
2	ĐANH.002/23	Xây dựng Sổ tay Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	ThS. Lê Quốc Nghị, Vụ trưởng	Vụ Kiểm toán nội bộ, NHNN
VI	Nghiên cứu liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế			
1	ĐTNH.007/22	Thực trạng và giải pháp thúc đẩy hợp tác Việt Nam - Châu Phi trong lĩnh vực ngân hàng	ThS. Đào Thúy Hằng, Phó Vụ trưởng	Vụ Hợp tác quốc tế, NHNN
2	ĐTNH.006/21	Đánh giá khía cạnh pháp lý của các cam kết quốc tế liên quan đến lĩnh vực ngân hàng và khuyến nghị chính sách	ThS. Tạ Quang Đôn, Vụ trưởng	Vụ Pháp chế, NHNN
VII	Nghiên cứu liên quan đến hoạt động đào tạo, quản lý nhân sự			
1	ĐANH.004/25	Xây dựng chương trình đào tạo Cử nhân định hướng làm việc tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên cơ sở nghiên cứu mô hình đào tạo của Trường Đại học ứng dụng trực thuộc Ngân hàng Trung ương Đức	PGS.TS. Bùi Hữu Toàn	Học viện Ngân hàng
2	ĐTNH.016/23	Nâng cao năng lực số cho cán bộ ngành Ngân hàng	TS. Nguyễn Thế Bình, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Khoa học và công nghệ ngân hàng	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM

3	ĐTNH.021/22	Xây dựng tiêu chuẩn và khung năng lực cho các vị trí lãnh đạo, quản lý, chuyên môn trọng tâm trong hoạt động của các TCTD và khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho các vị trí đó	TS. Bùi Văn Hải	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN
4	ĐTNH-CS.002/21	Giải pháp xây dựng hệ thống E-learning hiệu quả cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đặng Xuân Huệ, Phó Hiệu trưởng	Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng
5	ĐTNH-CS.003/21	Nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng thông qua việc xây dựng, sử dụng công cụ khung năng lực và khung chương trình bồi dưỡng cho các lĩnh vực hoạt động chính, là trọng tâm, trụ cột phản ánh hoạt động chính của Ngân hàng Nhà nước	ThS. Trần Hữu Thắng, Phó Vụ trưởng	Vụ Tổ chức cán bộ, NHNN
6	ĐTNH-CS.004/21	Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố nhằm đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố giai đoạn đến năm 2025 và định hướng thành lập NHNN chi nhánh khu vực sau năm 2025	ThS. Đặng Duy Cường, Phó Vụ trưởng	Vụ Tổ chức cán bộ, NHNN
VIII	Nghiên cứu liên quan đến hoạt động truyền thông			
1	ĐTNH.004/24	Chuyển đổi số công tác truyền thông, báo chí ngành Ngân hàng theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại	ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình, Phó Tổng biên tập	Tạp chí Ngân hàng
2	ĐTNH-CS.005/24	Nâng cao hiệu quả truyền thông nội bộ tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	ThS. Kim Lan Anh Phó Vụ trưởng	Vụ truyền thông, NHNN
IX	Nghiên cứu liên quan đến hoạt động khác			
1	ĐANH.003/26	Nghiên cứu công nghệ sản xuất mực offset không màu phát quang khô UV sử dụng cho in bảo an	TS. Trần Thị Thanh Thủy	Nhà máy in tiền Quốc gia Việt Nam

2	ĐANH.002/26	Đổi mới công tác quản lý nhà nước của Ngân hàng nhà nước chi nhánh Khu vực 2 phù hợp với bộ máy mới	ThS.Trần Thị Ngọc Liên Phó Giám đốc NHNN Khu vực 2	NHNN Khu vực 2
3	ĐTNH.016/25	Nâng cao năng lực tài chính của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam nhằm tham gia sâu hơn vào quá trình tái cơ cấu các tổ chức tín dụng yếu kém	ThS. Phạm Bảo Lâm	Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam
4	ĐANH.001/25	Hiện đại hóa mô hình thu thập và quản lý dữ liệu thống kê, báo cáo của NHNN trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0		Vụ Ổn định tiền tệ - tài chính
5	ĐTNH-CS.004/24	Nghiên cứu công nghệ sản xuất mực in phủ flexo khô UV sử dụng cho in tiền	ThS. Bạch Đức Chính	Nhà máy In tiền Quốc gia
6	ĐTNH.018/22	Phương pháp tính phí bảo hiểm tiền gửi phân biệt: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Đức Trung, Phó Hiệu trưởng phụ trách	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
7	ĐTNH.024/22	Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	TS. Lê Anh Xuân, Phó Vụ trưởng	Vụ Tài chính - Kế toán, NHNN
8	ĐTNH.029/22	Cải cách thủ tục hành chính tại NHNN và các NHTM Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0	TS. Nguyễn Thái Hà, Trưởng Khoa Luật	Học viện Ngân hàng
9	ĐTNH-CS.004/22	Nghiên cứu công nghệ sản xuất pigment hấp thụ hồng ngoại ứng dụng cho mực in bảo an	TS. Trần Thị Thanh Thủy, Chuyên viên chính	Nhà máy In tiền Quốc gia
B	Nhóm các nghiên cứu liên quan đến tổ chức và hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng			
I	Nghiên cứu liên quan đến hoạt động quản trị, quản lý ngân hàng			
1	ĐTNH.006/26	Xây dựng chiến lược thực hành ESG tổng thể: kinh nghiệm thế giới và giải pháp đối với các ngân hàng thương mại Việt Nam	Trương Quốc Tuấn Trưởng ban Quản trị Chiến lược	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

2	ĐTNH.004/26	Giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro rửa tiền/tài trợ khủng bố/tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	Th.S.Trần Phương Phó Tổng Giám đốc	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
3	ĐTNH.011/26	Tác động của tổ chức học tập (Organizational Learning) đến đổi mới và kết quả hoạt động tại các ngân hàng thương mại (NHMT)	PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Hà Phó Trưởng Khoa Quản trị kinh doanh	Học viện Ngân hàng
4	ĐTNH.003/25	Tác động của văn hóa doanh nghiệp đến sự sẵn sàng thay đổi của nhân viên trong quá trình chuyển đổi số tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	PGS.TS. Phạm Thị Tuyết	Học viện Ngân hàng
5	ĐTNH.015/25	Quản lý rủi ro gian lận - Nghiên cứu thực trạng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và khuyến nghị cho hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam	Đỗ Thị Khiên	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
6	ĐTNH.018/25	Giải pháp thúc đẩy thực hành ESG và xây dựng Báo cáo Phát triển bền vững trong hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam hướng tới thông lệ quốc tế	Phạm Danh Chương	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
7	ĐTNH.002/24	Khả năng áp dụng công cụ bộ đệm vốn phản chu kỳ đối với các ngân hàng thương mại tại Việt Nam	TS. Đào Thị Huyền Anh, Phó Trưởng phòng	Vụ Ổn định Tiền tệ - Tài chính, NHNN
8	ĐTNH.008/24	Giải pháp tăng cường năng lực chống chịu của các ngân hàng thương mại Việt Nam	TS. Hoàng Thị Thu Hiền	Học viện Ngân hàng
9	ĐTNH.008/23	Nghiên cứu triển khai Basel III tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	TS. Nguyễn Khương, Phó Trưởng phòng	Vụ Ổn định Tiền tệ - Tài chính, NHNN
10	ĐTNH.013/23	Kinh nghiệm quốc tế và khả năng áp dụng quy trình đánh giá đầy đủ về thanh khoản tại các NHTM Việt Nam	TS. Nguyễn Thu Trang, Khoa Ngân hàng	Học viện Ngân hàng

11	ĐTNH.015/23	Nghiên cứu khả năng ứng dụng chuỗi khối (block chain) vào các nghiệp vụ của ngân hàng thương mại Việt Nam và khuyến nghị	TS. Nguyễn Duy Thanh, Phó Trưởng khoa Hệ thống thông tin quản lý	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
12	ĐTNH.017/23	Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động quản trị rủi ro của các ngân hàng	TS. Phạm Thị Tuyết Trinh, Phó Trưởng khoa Kinh tế quốc tế	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
13	ĐTNH.004/22	Ứng dụng phương pháp và hệ thống phân tích lợi nhuận đa chiều trong công tác kế toán quản trị tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	TS. Nguyễn Minh Phương, Giảng viên	Học viện Ngân hàng
14	ĐTNH.020/22	Xây dựng mô hình đo lường các trọng số rủi ro phục vụ cho việc tính tỉ lệ an toàn vốn theo phương pháp mô hình nội bộ của Basel II	TS. Nguyễn Minh Nhật, Giảng viên	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
15	ĐTNH.023/22	Xây dựng giải pháp và lộ trình áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế đối với hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam	ThS. Nguyễn Hồng Vân, Vụ trưởng	Vụ Tài chính - Kế toán, NHNN
16	ĐTNH.031/22	Quản trị tài năng trong các ngân hàng thương mại cổ phần Nhà nước tại Việt Nam	TS. Đặng Trương Thanh Nhân	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
17	ĐTNH.001/21	Kiểm toán nội bộ định hướng theo rủi ro tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	TS. Nguyễn Hồng Yến, Khoa Ngân hàng	Học viện Ngân hàng
18	ĐTNH.002/21	Ứng dụng phương thức quản lý chất lượng toàn diện (Total Quality Management - TQM) trong quản lý chất lượng dịch vụ tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Việt Hà, Khoa quản trị kinh doanh	Học viện Ngân hàng
II	Nghiên cứu liên quan đến hoạt động kinh doanh ngân hàng, hoạt động ngân hàng số và hệ thống công nghệ thông tin			

1	ĐTNH.012/26	Đánh giá tác động truyền dẫn của chiến tranh thương mại đối với hiệu quả của ngân hàng thương mại	PGS.TS. Phan Anh Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu khoa học Ngân hàng	Học viện Ngân hàng
2	ĐTNH.013/26	Tác động của tài chính toàn diện số (digital financial inclusion) đến sự ổn định của hệ thống ngân hàng: Vai trò điều tiết của cạnh tranh ngành	TS. Trần Thị Thu Hương Trưởng bộ môn, Khoa Tài chính	Học viện Ngân hàng
3	ĐTNH.016/26	Vai trò của các định chế tài chính ngân hàng tham gia vào phát triển thị trường Carbon: Kinh nghiệm quốc tế và vấn đề đặt ra cho Việt Nam	TS. Trần Ngọc Mai Trưởng bộ môn, Khoa Tài chính	Học viện Ngân hàng
4	ĐTNH.020/26	Xây dựng mô hình cho vay sinh viên dựa trên nền tảng tài chính số tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Minh Châu	Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh
5	ĐTNH.006/25	Tác động của rủi ro chuyển đổi xanh đến hoạt động kinh doanh của các Ngân hàng thương mại Việt Nam	TS. Đặng Thị Thu Hằng	Học viện Ngân hàng
6	ĐTNH.008/25	Phương pháp luận đánh giá hiệu quả cấp tín dụng xanh - Nghiên cứu thực nghiệm tại các ngân hàng thương mại nhà nước	TS. Nguyễn Thị Lâm Anh	Học viện Ngân hàng
7	ĐTNH.011/25	Đánh giá tác động mức độ đầu tư công nghệ thông tin đến việc gia tăng lợi nhuận của các ngân hàng thương mại Việt Nam	TS. Vương Thị Hương Giang	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
8	ĐTNH.019/25	Giải pháp đẩy mạnh phát hành và sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ trái phiếu bền vững của các Tổ chức tín dụng tại Việt Nam	TS. Trần Long	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

9	DANH.003/25	Số hóa hoạt động kho quỹ tại hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam - nghiên cứu điển hình tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và đề xuất cho hệ thống ngân hàng Việt Nam	ThS. Lê Ngọc Lâm	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
10	ĐTNH.010/24	Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro thẻ tín dụng tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp	TS. Đỗ Thị Hà Thương	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
11	ĐTNH.011/24	Nghiên cứu công nghệ Metaverse (thực tế tăng cường và thực tế ảo) trong hoạt động đào tạo các nghiệp vụ ngân hàng	PGS.TS Trần Văn Đạt	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
12	ĐTNH-CS.001/24	Các yếu tố tác động đến hiệu quả hoạt động của các chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	Đỗ Xuân Trung	NHNN Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
13	ĐTNH.007/23	Tác động của mô hình kinh doanh đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam	ThS. Phan Minh Anh, Trưởng phòng	Vụ Ổn định Tiền tệ - Tài chính, NHNN
14	ĐTNH.012/23	Thực trạng và giải pháp quản trị hoạt động đầu tư và cung ứng dịch vụ trái phiếu doanh nghiệp tại các NHTM Việt Nam	GS.TS. Nguyễn Văn Tiến	Học viện Ngân hàng
15	ĐTNH.014/23	Giải pháp phát triển tín dụng tiêu dùng tại các tổ chức cho vay chính thức để góp phần hạn chế tín dụng đen tại Việt Nam	TS. Nguyễn Tường Vân, Khoa Ngân hàng	Học viện Ngân hàng
16	ĐTNH.012/22	Lãi suất và phí của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam - Thực trạng và giải pháp	TS. Phạm Thu Thủy, Phó trưởng Khoa Ngân hàng	Học viện Ngân hàng
17	ĐTNH.013/22	Cải tiến, đổi mới quy trình cho vay tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	TS. Đỗ Thị Thu Hà, Giảng viên	Học viện Ngân hàng
18	ĐTNH.026/22	Xây dựng mô hình ngân hàng số nhằm phát triển dịch vụ bán lẻ	Ông Nguyễn Chiến Thắng, Giám đốc Trung tâm Ngân hàng số BIDV	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

19	ĐTNH.028/22	Phát triển năng lực số cho nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của hệ thống NHTM Việt Nam	PGS.TS. Đặng Thị Huyền Anh, Phó Trưởng Khoa Kinh tế	Học viện Ngân hàng
20	ĐTNH.032/22	Giải pháp niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài đối với các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam	TS. Nguyễn Thị Hồng Vinh	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
III	Nghiên cứu liên quan đến hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân và các TCTD khác			
1	ĐTNH.004/25	Hoàn thiện và thực thi pháp luật về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân	TS. Đỗ Mạnh Phương	Học viện Ngân hàng
2	ĐANH.002/25	Hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của tổ chức tín dụng hợp tác xã theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2024	ThS. Nguyễn Quốc Cường	Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam
3	ĐANH.001/24	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số cho hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân đến năm 2030	TS. Phan Thanh Đức	Học viện Ngân hàng
4	ĐTNH.003/22	Quản trị Quỹ tín dụng nhân dân - Thực trạng và đề xuất chính sách nhằm đảm bảo hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động an toàn, ổn định, phù hợp với thông lệ quốc tế	ThS. Hoàng Việt Dũng	Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN
5	ĐTNH.014/22	Kinh nghiệm xây dựng khuôn khổ chính sách nhằm phát triển và vận hành cơ chế bán buôn tín dụng cho các tổ chức tài chính vi mô	TS. Nguyễn Hồng Yến, Giảng viên chính, Trưởng Bộ môn	Học viện Ngân hàng
6	ĐTNH-CS.001/21	Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động Quỹ tín dụng nhân dân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	ThS. Lê Thị Thủy	NHNN Chi nhánh tỉnh Đắk Lắk
C	Nhóm các nghiên cứu khác			
1	ĐTNH.001/25	Thu hút nguồn vốn tư nhân trong đầu tư xanh tại Việt Nam	PGS.TS. Trần Việt Dũng	Học viện Ngân hàng

2	ĐTNH.007/25	Phát triển kênh huy động vốn cho thị trường bất động sản nhà ở Việt Nam	PGS.TS. Nguyễn Thanh Phương	Học viện Ngân hàng
3	ĐTNH.001/23	Tác động của phát triển lĩnh vực ngân hàng và thị trường chứng khoán trong thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo: Kinh nghiệm quốc tế và khuyến nghị cho Việt Nam	ThS. Phạm Thị Thúy Diễm	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
4	ĐTNH.002/23	Tác động của rủi ro trong chuỗi cung ứng đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp dệt may tại Việt Nam	TS. Nguyễn Văn Hà	Học viện Ngân hàng
5	ĐTNH.005/23	Quản trị đại học trong bối cảnh tự chủ tài chính hướng tới tự chủ đại học tại các trường đại học trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	TS. Bùi Hữu Toàn	Học viện Ngân hàng
6	ĐTNH.010/23	Đánh giá tác động của rủi ro quốc gia (country risk) đến dòng vốn FDI tại Việt Nam	PGS.TS. Trần Thị Xuân Anh, Trưởng khoa Tài chính	Học viện Ngân hàng
7	ĐTNH.005/22	Nghiên cứu áp dụng nhóm chuẩn mực kế toán quốc tế về hợp nhất kinh doanh và báo cáo tài chính hợp nhất tại các công ty niêm yết của Việt Nam	TS. Đào Nam Giang	Học viện Ngân hàng
8	ĐTNH.009/22	Thúc đẩy khả năng tiếp cận tín dụng cho người yếu thế ở Việt Nam - Nhìn từ góc độ tài chính toàn diện	TS. Lê Ngọc Thắng, Giảng viên	Học viện Ngân hàng
9	ĐTNH.010/22	Nghiên cứu ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài tới đô thị hoá theo hướng bền vững đối với các tỉnh vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	ThS. Thanh Kim Huệ, Giám đốc Phân viện Bắc Ninh	Học viện Ngân hàng
10	ĐTNH.022/22	Fintech tại Việt Nam - Thực trạng, xu hướng phát triển và khuyến nghị chính sách	TS. Cấn Văn Lực	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
11	ĐTNH.030/22	Hoạt động huy động vốn cộng đồng trên nền tảng công nghệ tại Việt Nam: Thực trạng và khuyến nghị chính sách	TS. Nguyễn Trung Hiếu	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM

12	ĐTNH.004/21	Xây dựng bộ chỉ số định lượng mối liên kết giữa thị trường vốn Việt Nam và các thị trường vốn trong khu vực và trên thế giới	ThS. Dương Thị Thùy An	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
13	ĐTNH.010/21	Giải pháp tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam	TS. Cấn Văn Lực, Chuyên gia Kinh tế trường, Giám đốc Viện Đào tạo và nghiên cứu	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM
Số: 197/QĐ-NHNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng
năm 2027 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam**

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 36/2025/TT-BKHHCN ngày 26/11/2025 của Bộ trưởng bộ Khoa học và Công nghệ quy định khung về trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định, ban hành, quản lý, tổ chức thực hiện chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và quy định về trình tự, thủ tục xét tài trợ, đặt hàng ký hợp đồng, tổ chức thực hiện, chấm dứt thực hiện, thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ và đánh giá đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng năm 2027 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo các nội dung tại phụ lục đính kèm.

Điều 2. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổ chức triển khai các nhiệm vụ trong Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặt hàng năm 2027 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán, Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Phạm Thanh Hà;
- Lưu VP, TCCB3.PTHà (12).

Đính kèm:

- Phụ lục.

KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC



Phạm Thanh Hà



NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

PHỤ LỤC

DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẶT HÀNG CỦA NHNN NĂM 2027

(Đính kèm Quyết định số *13/QĐ-NHNN* ngày *06* tháng *02* năm 2026 của Thống đốc NHNN)

TT	Tên nhiệm vụ	Đơn vị đề xuất	Mã số Nhiệm vụ	Loại hình nhiệm vụ	Mục tiêu và nội dung nghiên cứu chính	Phương án tổ chức quản lý, sử dụng kết quả	Mức kinh phí dự kiến (VNĐ)
1	<i>Nghiên cứu để xây dựng, thử nghiệm áp dụng quy trình rà soát đánh giá giám sát tỷ lệ an toàn vốn theo Trụ cột 2, Basel II (SREP) trong công tác giám sát ngân hàng tại Việt Nam</i>	Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng	NVKH.001/27	Phát triển giải pháp xã hội	1. Mục tiêu Đề xuất điều chỉnh, hoàn thiện khung SREP; xác định các khoảng cách, khó khăn, vướng mắc trong triển khai SREP để có đề xuất, khuyến nghị cụ thể thúc đẩy việc áp dụng SREP và chuyển đổi, đổi mới phương thức thực hiện giám sát ngân hàng theo hướng tập trung đánh giá rủi ro, hồ sơ rủi ro, đánh giá các điểm yếu cụ thể của từng ngân hàng để xác định hành động, biện pháp giám sát phù hợp với từng ngân hàng; tiệm cận với các nguyên tắc cốt lõi về giám sát ngân hàng hiệu quả (BCPs) và nguyên tắc, yêu cầu đối với công tác giám sát theo trụ cột II, Basel II/III. 2. Nội dung nghiên cứu chính - Nghiên cứu Basel II (Trụ cột 2) và kinh nghiệm triển khai SREP của một số nước trên thế giới và	- Cục Quản lý, giám sát TCTD và NHNN chi nhánh khu vực có đối tượng giám sát an toàn vi mô là các chi nhánh NHNNg để áp dụng trong công tác giám sát an toàn vi mô đối với NHTM, chi nhánh NHNNg. - Cục An toàn hệ thống các TCTD trong công tác tham mưu xây dựng và ban hành/sửa đổi/bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.	300.000.000

					hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan của NHNN - Đánh giá thực trạng công tác giám sát an toàn vốn và khoảng cách giữa quy định hiện hành tại Việt Nam với chuẩn mực Basel II. - Thiết kế cấu trúc khung SREP gồm các câu phần: Đánh giá mô hình kinh doanh; Đánh giá quản trị; Đánh giá mức độ đủ vốn; Đánh giá mức độ đủ thanh khoản và các nội dung khác. - Xây dựng bộ chỉ tiêu giám sát, cảnh báo sớm và danh mục các biện pháp can thiệp của cơ quan giám sát. - Tổ chức triển khai thí điểm đánh giá một số NHTM, từ đó tổng kết, đưa ra các đề xuất, kiến nghị để thúc đẩy triển khai SREP trong công tác giám sát ngân hàng của NHNN.		
2	Giải pháp hoàn thiện hoạt động giám sát an toàn vĩ mô theo định hướng Basel III tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng	NVKH. 002/27	Phát triển giải pháp xã hội	1. Mục tiêu - Đề xuất các giải pháp hoàn thiện hoạt động giám sát an toàn vĩ mô theo định hướng Basel III. 2. Nội dung nghiên cứu chính - Tổng quan về hoạt động giám sát an toàn vĩ mô và định hướng Basel III. - Phân tích thực trạng hoạt động giám sát an toàn vĩ mô tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. - Đề xuất định hướng và các nhóm giải pháp hoàn thiện hoạt động giám sát an toàn vĩ mô theo định hướng Basel III, bao gồm: (i) xác định	Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng ứng dụng trong công tác giám sát an toàn vĩ mô các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 277/QĐ-NHNN ngày 24/2/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	300.000.000

					khung mục tiêu và hệ thống công cụ chính sách tương ứng của hoạt động giám sát an toàn vĩ mô; (ii) phát triển các công cụ giám sát an toàn vĩ mô theo Basel III; nâng cao năng lực phân tích và cảnh báo sớm; (iii) phát triển nguồn nhân lực và hạ tầng công nghệ; (iv) xây dựng lộ trình triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam.		
3	<i>Vai trò của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong góp phần phòng ngừa rủi ro lan truyền của hệ thống tài chính – ngân hàng Việt Nam: Thực trạng và giải pháp</i>	Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng	NVKH. 003/27	Phát triển giải pháp xã hội	1. Mục tiêu Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của bảo hiểm tiền gửi Việt Nam (BHTGVN) trong phòng ngừa rủi ro lan truyền của hệ thống tài chính – ngân hàng Việt Nam hiện hành, <u>đánh giá mức độ sẵn sàng đáp ứng vai trò được mở rộng theo Luật Bảo hiểm tiền gửi 2025</u>, qua đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tham gia của BHTGVN trong mạng lưới tài chính, góp phần bảo đảm an toàn và ổn định hệ thống tài chính - ngân hàng, triển khai hiệu quả Luật Bảo hiểm tiền gửi 2025. 2. Nội dung nghiên cứu chính - Nghiên cứu, hệ thống hóa cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phòng ngừa rủi ro lan truyền và vai trò của tổ chức bảo hiểm tiền gửi - Xây dựng được khung lý luận và mô hình phân tích mang tính hệ thống, làm nền tảng khoa học cho việc đánh giá vai trò của BHTGVN trong phòng ngừa rủi ro lan truyền.	- Cục An toàn hệ thống các TCTD ứng dụng trong công tác giám sát an toàn vĩ mô và tham mưu xây dựng và ban hành/sửa đổi/bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. - Cục Quản lý, giám sát TCTD và NHNN chi nhánh khu vực có đối tượng giám sát an toàn vĩ mô là các chi nhánh NHNNg áp dụng trong công tác giám sát an toàn vĩ mô đối với TCTD, chi nhánh NHNNg. - Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam và Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính ứng dụng trong công tác phân tích, đánh giá, cảnh báo sớm về an toàn vĩ mô đối với hệ thống tiền tệ, ngân hàng, tài chính và đề xuất biện pháp phòng ngừa nguy cơ rủi ro có tính hệ thống nhằm	280.000.000

					- Đánh giá thực trạng vai trò của BHTGVN trong phòng ngừa rủi ro lan truyền, đánh giá mức độ sẵn sàng đáp ứng của BHTGVN đối với nhiệm vụ ổn định hệ thống tài chính – ngân hàng trong bối cảnh triển khai áp dụng Luật Bảo hiểm tiền gửi 2025, chỉ ra các khoảng trống và vấn đề đặt ra trong thực tiễn nhằm triển khai hiệu quả Luật Bảo hiểm tiền gửi 2025. - Hệ thống giải pháp và kiến nghị có tính khả thi, làm cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện cơ chế, chính sách (các văn bản dưới Luật) và nâng cao hiệu quả phòng ngừa rủi ro lan truyền của hệ thống tài chính – ngân hàng Việt Nam	mục tiêu ổn định hệ thống tiền tệ, tài chính.	
4	<i>Những vấn đề thực tiễn từ các cuộc khảo sát quốc tế về dịch vụ tài chính – ngân hàng tại Việt Nam và giải pháp nhằm nâng cao vị thế, hình ảnh, năng lực cạnh tranh quốc gia và thu hút đầu tư nước ngoài</i>	Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính	NVKH. 004/27	Phát triển giải pháp xã hội	1. Mục tiêu Nghiên cứu phương pháp luận, cách thức triển khai và kết quả các cuộc khảo sát quốc tế có uy tín liên quan đến lĩnh vực tài chính – ngân hàng Việt Nam; nhận diện/tổng kết các yếu kém, hạn chế chính mà ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng Việt Nam cần khắc phục theo kết quả khảo sát tổng hợp; từ đó đề xuất giải pháp, kiến nghị chính sách để nâng cao vai trò, chất lượng chủ động phối hợp, tham gia, phản hồi và truyền thông kết quả khảo sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Tổ chức tín dụng và các cơ quan liên quan đối với các cuộc khảo sát quốc tế, góp phần nâng cao vị thế, năng lực cạnh tranh quốc gia và đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài. 2. Nội dung nghiên cứu chính - Tổng quan cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về vai trò, tác động tiềm tàng của các cuộc khảo sát của các tổ chức uy tín quốc tế tới hình	Vụ Dự báo thống kê - Ổn định tiền tệ tài chính, Vụ Hợp tác quốc tế ứng dụng phục vụ trực tiếp công tác tham mưu, hoạch định chính sách đối ngoại, truyền thông và quản lý điều tra thống kê trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; đồng thời làm tài liệu tham khảo trong quá trình phối hợp với các tổ chức quốc tế. Các đơn vị chức năng thuộc NHNN (Vụ Thanh Toán, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cục Công nghệ tin học; Trung tâm thông tin tín dụng quốc gia...)	300.000.000

					ảnh, vị thế, năng lực cạnh tranh và thu hút đầu tư nước ngoài của quốc gia. - Thực trạng các cuộc khảo sát quốc tế về dịch vụ tài chính – ngân hàng tại Việt Nam: (i) Phân loại, hệ thống hóa các khảo sát; (ii) Phân tích phương pháp luận, đối tượng, phạm vi và kết quả khảo sát, chỉ ra mặt được, các vấn đề bất cập về khoa học và thực tiễn cần khắc phục; (iii) Nhận diện, tổng kết các yếu kém, hạn chế chính mà ngành dịch vụ tài chính, ngân hàng Việt Nam cần khắc phục theo kết quả khảo sát tổng hợp; - Đề xuất giải pháp chính sách và kiến nghị đối với NHNN, các TCTD và các cơ quan liên quan.	sử dụng kết quả trong việc nghiên cứu hoạch định chính sách tiền tệ, tín dụng và quản lý hoạt động ngân hàng; Các Tổ chức tín dụng ứng dụng trong quá trình đổi mới, hoàn thiện chính sách, quy trình nghiệp vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh.	
5	<i>Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng phổ phản ứng chính sách an toàn vĩ mô ứng phó rủi ro hệ thống ngân hàng Việt Nam</i>	Vụ Dự báo, thống kê - Ổn định tiền tệ, tài chính	NVKH. 005/27	Phát triển giải pháp xã hội	1. Mục tiêu Đề xuất các giải pháp xây dựng phổ phản ứng chính sách an toàn vĩ mô ứng phó với rủi ro hệ thống ngân hàng tại Ngân hàng Việt Nam. 2. Nội dung nghiên cứu chính - <i>Cơ sở lý luận về phổ phản ứng chính sách an toàn vĩ mô ứng phó rủi ro hệ thống ngân hàng:</i> (i) Tổng kết được khái niệm, đặc điểm, các loại rủi ro hệ thống ngân hàng; (ii) chính sách an toàn vĩ mô trong lĩnh vực ngân hàng; (iii) tổng quan nghiên cứu, đề xuất khái niệm và nội dung liên quan đến phổ phản ứng chính sách an toàn vĩ mô ứng phó rủi ro hệ thống ngân hàng. - <i>Kinh nghiệm quốc tế sử dụng công cụ chính sách an toàn vĩ mô ứng phó rủi ro hệ thống ngân hàng:</i> (i) Sự hình thành, phát triển khung chính sách an toàn vĩ mô trên thế giới; (ii) kinh nghiệm	Vụ Dự báo thống kê ổn định tiền tệ tài chính, Cục An toàn hệ thống các Tổ chức tín dụng sử dụng kết quả trong việc nghiên cứu phổ phản ứng chính sách an toàn vĩ mô	275.000.000

					quốc tế trong việc nhận diện, phân loại rủi ro hệ thống; (iii) kinh nghiệm lựa chọn công cụ chính sách an toàn vĩ mô ứng phó rủi ro hệ thống; (iv) khuyến nghị cho Việt Nam. - <i>Thực trạng áp dụng công cụ chính sách an toàn ứng phó rủi ro hệ thống tại Ngân hàng Việt Nam:</i> (i) Khái quát hệ thống ngân hàng Việt Nam; (ii) thực trạng rủi ro hệ thống ngân hàng Việt Nam; (iii) thực trạng triển khai công cụ chính sách an toàn hệ thống ngân hàng tại Việt Nam, các phản ứng chính sách; (iv) khảo sát nghiên cứu áp dụng công cụ ứng phó rủi ro hệ thống ngân hàng Việt Nam (phạm vi khảo sát giới hạn, phù hợp nghiên cứu). <i>Giải pháp xây dựng phổ phản ứng chính sách an toàn vĩ mô ứng phó rủi ro hệ thống tại ngân hàng Việt Nam:</i> (i) Nguyên tắc xây dựng phổ phản ứng chính sách; (ii) phân loại mức độ rủi ro hệ thống ngân hàng Việt Nam; (iii) các nhóm công cụ và mức độ phản ứng chính sách; (iv) phổ phản ứng chính sách. <i>Kết luận, khuyến nghị:</i> (i) Sự cần thiết, nội dung phổ phản ứng chính sách an toàn vĩ mô ứng phó rủi ro hệ thống ngân hàng Việt Nam; (ii) giải pháp triển khai, giải quyết khó khăn thách thức; (iii) sự phối hợp giữa các cơ quan trong triển khai, vận hành phổ phản ứng chính sách.		
6	<i>Chuyển đổi số trong công tác phòng, chống</i>	Cục Phòng	NVKH. 006/27	Phát triển giải	1. Mục tiêu Nghiên cứu cách sử dụng dữ liệu khách hàng hiệu quả thông qua các công cụ phân tích tiên	Cục PCRT cam kết sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu vào thực hiện chuyển đổi số trong	300.000.000

	<i>rửa tiền: Thực trạng và giải pháp</i>	chống rửa tiền		pháp xã hội	tiền để đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, tổ chức trong PCRT; Phân tích ảnh hưởng của các công nghệ như AI, Blockchain đến mô hình hoạt động, kinh doanh và sản phẩm/dịch vụ của ngân hàng và lĩnh vực PCRT; Rà soát, bổ sung và ban hành các quy định pháp lý, cơ chế khung thử nghiệm (sandbox) để thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đảm bảo hoạt động ngân hàng số an toàn; Đào tạo và phát triển kỹ năng về công nghệ số cho cán bộ, nhân viên, để vận hành hiệu quả các hệ thống và phân tích rủi ro công nghệ. 2. Nội dung nghiên cứu chính - Nghiên cứu chung về hoạt động chuyển đổi số trong ngành ngân hàng, liên hệ trong công tác PCRT trên thế giới và Việt Nam để thấy được vai trò thiết yếu của chuyển đổi số trong PCRT giai đoạn hiện nay; - Trên cơ sở khảo sát, thống kê, đánh giá thực trạng công tác PCRT tại Cục PCRT, các tổ chức tín dụng (công tác báo cáo, công tác xử lý thông tin, công tác phối hợp...) chỉ ra những hạn chế, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai công tác PCRT, quá trình chuyển đổi số trong PCRT. - Xây dựng các giải pháp nhằm thực hiện chuyển đổi số trong ngành ngân hàng, cụ thể là tại Cục PCRT và cho các tổ chức tín dụng, cụ thể: xây dựng các giải pháp về chính sách, giải pháp về công nghệ, giải pháp về nhân lực, giải pháp về đào tạo...	phòng chống rửa tiền thông qua việc: - Tham mưu cho Lãnh đạo NHNN trong việc ban hành các quy định pháp luật, chính sách trong công tác PCRT; - Phối hợp với các tổ chức tín dụng (các tổ chức báo cáo theo quy định của Luật PCRT) trong việc xây dựng hệ thống phòng, chống rửa tiền trên nền tảng công nghệ số qua đó nâng cao hiệu quả công tác PCRT; - Xây dựng các chương trình đào tạo, phối hợp/tổ chức triển khai phương án đào tạo nguồn nhân lực về phòng, chống rửa tiền cho các tổ chức báo cáo theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền trong bối cảnh thực hiện công nghệ số.	
7	<i>Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hoạt động</i>	NH TMCP Ngoại	NVKH .007/27	Phát triển giải	1. Mục tiêu Xây dựng được một bộ tiêu chí khoa học, toàn diện và có tính thực tiễn cao để đánh giá hoạt	- Kết quả nghiên cứu có thể được NHNN, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tham khảo để	300.000.000

	<i>Đổi mới sáng tạo (ĐMST) ứng dụng cho các ngân hàng TMCP Việt Nam.</i>	thương Việt Nam		pháp xã hội	động ĐMST tại các ngân hàng thương mại Việt Nam, qua đó hỗ trợ công tác quản trị và thúc đẩy năng lực cạnh tranh của ngành. 2. Nội dung nghiên cứu - Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về ĐMST và các phương pháp đánh giá ĐMST trong lĩnh vực ngân hàng. - Nghiên cứu và rút ra bài học kinh nghiệm từ và các mô hình, thông lệ, tiêu chuẩn đánh giá ĐMST hiện đại đang được áp dụng tại các ngành, các tổ chức tài chính trong và ngoài nước. - Khảo sát, phân tích thực trạng hoạt động ĐMST và công tác đánh giá ĐMST tại một số ngân hàng thương mại tiêu biểu ở Việt Nam, - Đề xuất và xây dựng Bộ tiêu chí đánh giá ĐMST cho các NHTM cổ phần Việt Nam: Bao gồm các nhóm tiêu chí, tiêu chí cụ thể, chỉ số đo lường, phương pháp chấm điểm và tài liệu hướng dẫn áp dụng chi tiết làm công cụ, thước đo đánh giá mức độ sẵn sàng, mức độ ĐMST của các ngân hàng. Tổ chức thực nghiệm (thí điểm) bộ tiêu chí tại một số ngân hàng để kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả. - Khuyến nghị chính sách nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả thực hiện chiến lược về ĐMST và chuyển đổi số.	tạo ra một chuẩn mực (benchmark) cho các ngân hàng tự so sánh, định vị và học hỏi lẫn nhau, thúc đẩy ĐMST và CDS để nâng cao tính cạnh tranh thông qua ĐMST. - Các NHTM, trong đó có VCB, có thể ứng dụng làm công cụ quản trị chiến lược trực tiếp cho các ngân hàng để đo lường, giám sát và cải tiến hiệu suất ĐMST, để phân bổ ngân sách, nhân lực và các nguồn lực khác cho hoạt động ĐMST một cách hiệu quả, dựa trên dữ liệu.	
--	---	------------------------	--	--------------------	---	---	--

Mẫu số 01: dành cho các tổ chức và cá nhân ngoài Ngân hàng Nhà nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

PHIẾU ĐẶT HÀNG
Nhiệm vụ khoa học và công nghệ
Năm 20.....

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (loại hình nhiệm vụ): (nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản/nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng/nhiệm vụ phát triển công nghệ/nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội¹)
3. Tính cấp thiết và tính mới của nhiệm vụ (về mặt khoa học và về mặt thực tiễn)
4. Mục tiêu của nhiệm vụ: (cần nêu rõ mục tiêu để các tổ chức/cá nhân bám sát khi xây dựng Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ)
5. Các nội dung chính: (cần nêu rõ các nội dung cần đạt được để các tổ chức/cá nhân bám sát khi xây dựng Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ)
6. Dự kiến kết quả và hiệu quả mang lại, tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ:
7. Dự kiến mức kinh phí thực hiện:
8. Đề xuất tổ chức được xét giao trực tiếp (nếu có)²:
9. Khả năng và địa chỉ ứng dụng:
10. Thông tin liên hệ tổ chức/cá nhân đề xuất đặt hàng:

Tổ chức, cá nhân đề xuất

(Họ, tên và chữ ký, đóng dấu đối với tổ chức)

¹ Theo Điều 4 Nghị định 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 quy định chi tiết hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) về chương trình, nhiệm vụ KH, CN & ĐMST và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Ngoài ra, còn có nhiệm vụ trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, nhiệm vụ giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ có điều kiện, yêu cầu riêng.

² Quyết định xét giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật KH, CN & ĐMST. Cụ thể:

- Triển khai nhiệm vụ cần bảo đảm yêu cầu bí mật nhà nước;
- Triển khai nhiệm vụ cấp bách để phục vụ mục tiêu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; khắc phục hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố hoặc sự kiện bất khả kháng khác; phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; bảo vệ tính mạng của người dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước hoặc lợi ích của cộng đồng;
- Nhiệm vụ chỉ có 01 tổ chức, doanh nghiệp có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó;
- Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ huy động được nhân tài hoặc có cơ sở vật chất, hạ tầng đặc biệt phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu.

Mẫu số 02: dành cho các tổ chức và cá nhân thuộc Ngân hàng Nhà nước

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TÊN ĐƠN VỊ

....., ngày tháng năm 20....

PHIẾU ĐẶT HÀNG

**Nhiệm vụ khoa học và công nghệ
Năm 20.....**

1. Tên nhiệm vụ KH&CN:
2. Hình thức thực hiện (loại hình nhiệm vụ): (nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản/nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng/nhiệm vụ phát triển công nghệ/nhiệm vụ phát triển giải pháp xã hội³)
3. Tính cấp thiết và tính mới của nhiệm vụ (về mặt khoa học và về mặt thực tiễn)
4. Mục tiêu của nhiệm vụ: (cần nêu rõ mục tiêu để các tổ chức/cá nhân bám sát khi xây dựng Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ)
5. Các nội dung chính: (cần nêu rõ các nội dung cần đạt được để các tổ chức/cá nhân bám sát khi xây dựng Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ)
6. Dự kiến kết quả và hiệu quả mang lại, tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ
7. Dự kiến mức kinh phí thực hiện:
8. Đề xuất tổ chức được xét giao trực tiếp (nếu có)⁴:
9. Cam kết tiếp nhận, phương án tổ chức quản lý, sử dụng kết quả của nhiệm vụ:
10. Thông tin liên hệ tổ chức/cá nhân đề xuất đặt hàng:

Tổ chức, cá nhân đề xuất

(Họ, tên và chữ ký, đóng dấu đối với tổ chức)

³ Theo Điều 4 Nghị định 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 quy định chi tiết hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) về chương trình, nhiệm vụ KH, CN & ĐMST và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Ngoài ra, còn có nhiệm vụ trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, nhiệm vụ giải mã công nghệ, mua bí quyết công nghệ có điều kiện, yêu cầu riêng.

⁴ Quyết định xét giao trực tiếp thực nhiệm vụ trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật KH, CN & ĐMST. Cụ thể:

- Triển khai nhiệm vụ cần bảo đảm yêu cầu bí mật nhà nước;
- Triển khai nhiệm vụ cấp bách để phục vụ mục tiêu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; khắc phục hoặc xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố hoặc sự kiện bất khả kháng khác; phòng, chống thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; bảo vệ tính mạng của người dân; bảo vệ lợi ích của Nhà nước hoặc lợi ích của cộng đồng;
- Nhiệm vụ chỉ có 01 tổ chức, doanh nghiệp có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ đó;
- Tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ huy động được nhân tài hoặc có cơ sở vật chất, hạ tầng đặc biệt phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu.